



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)



A member of  International

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tiền thân là Công ty Du lịch Hương Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Công Trứ - Tp. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Thành	Chủ tịch
Ông Vũ Quang Hội	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Bốn	Thành viên
Ông Đinh Nhật Tân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bốn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hồ Văn Toại	Thành viên
Bà Phạm Thị Kim Anh	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG**  
Số 2 Nguyễn Công Trứ - Tp. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thắng  
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 03 năm 2016

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 06 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

#### Các khoản dự phòng đầu tư tài chính

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, kiểm toán viên và Công ty kiểm toán đã nêu ý kiến ngoại trừ việc Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầu tư dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết mới bị suy giảm giá trị trong năm 2014 số tiền 8.273.790.240 đồng. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty làm cho chỉ tiêu Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 và chỉ tiêu Chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 phản ánh thiếu số tiền là 8.273.790.240 đồng.

Năm 2015, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư này, mức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn phải trích lập cho các khoản đầu tư này tại 31/12/2015 là 9.084.021.971 đồng. Như vậy so với mức dự phòng phải trích lập tại 31/12/2014, dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn phải trích lập bổ sung vào chi phí tài chính năm 2015 là 810.231.731 đồng.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Cũng tại Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, kiểm toán viên và Công ty kiểm toán đã nêu ý kiến ngoại trừ việc Công ty chưa ghi nhận bổ sung các khoản chi phí cần phân bổ năm 2013 số tiền 5.816.656.713 đồng và chưa thực hiện ghi nhận chi phí trả trước phải phân bổ năm 2014 vào chi phí sản xuất kinh doanh số tiền 2.374.172.002 đồng. Dẫn đến chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 vẫn đang phản ánh thiếu 8.190.828.715 đồng và chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 đang phản ánh thiếu 2.374.172.002 đồng.

Năm 2015, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót nêu trên mà ghi nhận toàn bộ các khoản chi phí cần phân bổ này vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 làm cho Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 bị phản ánh tăng lên số tiền tương ứng là 8.190.828.715 đồng.

### **Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Trong năm, Công ty thực hiện kết chuyển số dư âm quỹ khen thưởng phúc lợi vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh số tiền 1.901.087.880 đồng trong đó số dư âm quỹ khen thưởng phúc lợi của các kỳ kế toán trước là 1.433.727.880 đồng và các khoản chi khen thưởng phúc lợi năm 2015 là 467.360.000 đồng làm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ giảm số tiền tương ứng.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Theo thuyết minh số 09 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn thành hai công trình Khu Văn Hóa Huyền Trần và Đền thờ Trần Nhân Tông với tổng giá trị đầu tư trên sổ kế toán là 21.644.832.818 đồng từ năm 2010, tuy nhiên do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có chủ trương thu hồi quản lý đối với các công trình này nên Công ty chưa ghi nhận tăng nguyên giá và trích khấu hao. Nếu các công trình này được đưa vào sử dụng thì số khấu hao ước tính phải trích lập từ năm 2010 đến 2014 là 1.686.789.893 đồng và khấu hao phải ghi nhận vào chi phí năm 2015 là 767.567.249 đồng.

Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### **Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2016

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		48.138.555.986	44.707.278.275
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.695.296.386	24.014.618.271
111	1. Tiền		4.760.282.513	3.325.514.115
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.935.013.873	20.689.104.156
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	2.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.512.962.225	16.885.284.343
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.196.512.400	3.478.923.401
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		571.807.180	336.182.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	14.461.752.683	13.787.288.980
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(717.110.038)	(717.110.038)
140	IV. Hàng tồn kho	8	930.297.375	942.440.246
141	1. Hàng tồn kho		930.297.375	942.440.246
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	864.935.415
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	864.935.415
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		199.355.690.887	221.054.889.158
220	II. Tài sản cố định		43.632.621.613	48.732.351.726
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	42.599.871.618	47.694.601.727
222	- Nguyên giá		94.080.465.724	95.138.436.273
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(51.480.594.106)	(47.443.834.546)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.032.749.995	1.037.749.999
228	- Nguyên giá		1.308.338.000	1.308.338.000
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(275.588.005)	(270.588.001)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		29.085.225.099	28.491.439.671
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	29.085.225.099	28.491.439.671
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	108.433.055.622	118.033.055.622
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.232.000.000	18.232.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		91.957.055.622	91.957.055.622
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	14.600.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.756.000.000)	(6.756.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.204.788.553	25.798.042.139
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	18.204.788.553	25.798.042.139
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		247.494.246.873	265.762.167.433

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.675.144.365	15.730.141.444
310	I. Nợ ngắn hạn		11.675.144.365	13.244.999.566
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.466.655.256	2.341.198.036
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		93.346.720	165.819.300
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.096.936.117	562.847.117
314	4. Phải trả người lao động		3.284.321.346	3.791.910.919
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.733.884.926	7.816.952.074
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	(1.433.727.880)
330	II. Nợ dài hạn		-	2.485.141.878
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	2.485.141.878
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		235.819.102.508	250.032.025.989
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	235.819.102.508	250.032.025.989
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.404.415.192)	2.808.508.289
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.808.508.289	3.467.321.145
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(14.212.923.481)	(658.812.856)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>247.494.246.873</u>	<u>265.762.167.433</u>

Ngô Đức Chính  
Người lập

Ngô Đức Chính  
Phụ trách kế toán



Trần Thắng  
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Năm 2015*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015		Năm 2014	
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	63.260.864.137	-	59.683.287.076	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	63.260.864.137	-	59.683.287.076	-
11	4. Giá vốn hàng bán	19	60.792.912.848	-	51.498.241.950	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.467.951.289	-	8.185.045.126	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	9.883.806.519	-	12.427.986.911	-
22	7. Chi phí tài chính	21	2.328.026.932	-	6.898.144.381	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	22.316.868.136	-	12.551.684.842	-
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(12.293.137.260)	-	1.163.202.814	-
31	11. Thu nhập khác	23	1.488.440.779	-	1.200.870.733	-
32	12. Chi phí khác	24	3.408.227.000	-	3.022.886.403	-
40	13. Lợi nhuận khác	-	(1.919.786.221)	-	(1.822.015.670)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	(14.212.923.481)	-	(658.812.856)	-
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(14.212.923.481)	-	(658.812.856)	-

10/11  
CÔNG  
ACH NHÍ  
ĂNG K  
A  
DANK



Ngõ Đức Chính  
Người lập

Ngõ Đức Chính  
Phụ trách kế toán

Trần Thắng  
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE**  
*Năm 2015*  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015		Năm 2014	
			VND	VND	VND	VND
<b>I. LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG KINH DOANH</b>						
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		68.542.482.456		66.776.952.860	
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(46.159.559.730)		(41.302.809.886)	
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(16.191.352.062)		(15.930.227.815)	
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(521.693.479)		(620.653.049)	
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.038.877.270		11.237.058.053	
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.195.802.626)		(10.934.921.745)	
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(13.487.048.171)</i>		<i>9.225.398.418</i>	
<b>II. LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG ĐẦU TU'</b>						
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.062.816.453)		(2.240.237.610)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		96.151.998		1.210.000.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-		(2.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000		-	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.000.000.000)		(15.000.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.280.000.000		-	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.858.752.721		11.240.414.178	
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>18.172.088.266</i>		<i>(6.789.823.432)</i>	
<b>III. LUU CHUYEN TIEN TỪ HOAT ĐONG TÀI CHÍNH</b>						
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-		(4.799.714.481)	
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-		<i>(4.799.714.481)</i>	
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>4.685.040.095</i>		<i>(2.364.139.495)</i>	
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		24.014.618.271		26.363.660.901	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.361.980)		15.096.865	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<u>3</u> <u>28.695.296.386</u>		<u>24.014.618.271</u>	

Ngô Đức Chính  
Người lập

Ngô Đức Chính  
Phụ trách kế toán

Trần Thắng  
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 03 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tiền thân là Công ty Du lịch Hương Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2 Nguyễn Công Trứ - Tp. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ lưu trú, du lịch.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán thức uống có cồn và không cồn);
- Bán buôn thực phẩm;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: kinh doanh dịch vụ Karaoke);
- Điều hành tour du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống).

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Khách sạn Hương Giang Resort & Spa  
Trung tâm Dịch vụ Du lịch Hương Giang  
Đội xe Du lịch Hương Giang

##### Địa chỉ

Thừa Thiên Huế  
Thừa Thiên Huế  
Thừa Thiên Huế

##### Hoạt động kinh doanh chính

Khách sạn, nhà hàng  
Nhà hàng  
Dịch vụ vận tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 31.

## 2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đổi với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đổi với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đổi với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khé ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chê biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 15	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07	năm
- Phần mềm máy tính	05	năm

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

## 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi cổ thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



## 2.15 . Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

## 2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	773.274.724	608.862.625
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.987.007.789	2.716.651.490
Các khoản tương đương tiền	23.935.013.873	20.689.104.156
	<b>28.695.296.386</b>	<b>24.014.618.271</b>

Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 23.935.013.873 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,5 %/năm.

#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
- Công ty TNHH Lữ hành Hương Giang	20.232.000.000	-	18.232.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	3.600.000.000	-	1.600.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	16.632.000.000	-	16.632.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (1)	91.957.055.622	(3.756.000.000)	91.957.055.622	(3.756.000.000)
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	50.720.625.000	-	50.720.625.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế (2)	2.556.000.000	(2.556.000.000)	2.556.000.000	(2.556.000.000)
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc (3)	30.301.220.250	-	30.301.220.250	-
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Tourist (1.160.000 CP)	940.000.000	-	940.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch Thuận An (4)	6.239.210.372	(3.000.000.000)	11.600.000.000	(3.000.000.000)
	<b>3.000.000.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>
	<b>115.189.055.622</b>	<b>(6.756.000.000)</b>	<b>124.789.055.622</b>	<b>(6.756.000.000)</b>

(1) Công ty phối hợp với một công ty của Nhật Bản để mở nhà hàng tại Nhật Bản, tuy nhiên từ khi hoạt động, liên doanh liên tiếp thua lỗ, theo biên bản làm việc giữa hai Công ty ngày 03 tháng 06 năm 2010, trong đó đối tác tại Nhật Bản sẽ mua lại toàn bộ tài sản và chuyển trả cho Công ty CP Du lịch Hương Giang số tiền tương ứng là 122.000 USD. Tuy nhiên theo kết quả điều tra do một tổ chức kiểm hành độc lập, đối tác liên doanh đã mất khả năng thanh toán nên khoản đầu tư này có thể không thu hồi được.

(2) Ngày 31/08/2009, Công ty CP Dịch vụ Du lịch Huế đã có quyết định giải thể do các bên tham gia góp vốn ngừng đầu tư vào dự án, toàn bộ khoản đầu tư bị tồn thất không có giá trị thu hồi.

(3) Công ty CP Du lịch Thiên Phúc đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(4) Số dư khoản đầu tư vào đơn vị khác tại 31/12/2015 là giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch Thuận An, một công ty có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại tỉnh Thừa Thiên Huế, hoạt động trong lĩnh vực Du lịch. Hiện tại Công ty này đã bị ngân hàng phát mại toàn bộ tài sản để thu hồi vốn cho vay, tuy nhiên do chưa thực hiện được các thủ tục giải thể hoặc phá sản nên không có cơ sở để hạch toán giảm khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2015 như sau:**

**Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Số 11 Lê Lợi, TP. Huế, T.Thừa Thiên Huế	100,00%	100,00%	Kinh doanh du lịch, đại lý vé máy bay
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	Thôn Mỹ An, xã Phú Thượng, H.Phú Vang, T.Thừa Thiên Huế	90,79%	90,79%	Kinh doanh du lịch, khách sạn

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế	Công viên Ngũ Bình, xã Thuỷ An, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	20,00%	20,00%	Kinh doanh thể thao, khu vui chơi giải trí
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, TP.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	31,33%	31,33%	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sài Gòn - Morin Huế	30 Lê Lợi, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch và Nhà hàng Việt Nhật	5190 Shindo Sagamihara-shi Kanagawa, Nhật Bản	50,00%	50,00%	Kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch, khách sạn
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Số 5 đường Lê Lợi, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	49,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 30.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Thuận An	717.110.038	717.110.038
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	562.890.050	455.120.830
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.916.512.312	2.306.692.533
	<b>4.196.512.400</b>	<b>3.478.923.401</b>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.	<b>562.890.050</b>	<b>455.120.830</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu nhẫn hạn khác chi tiết theo số dư				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.959.725.863	-	8.965.671.892	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	41.109.612	-	54.071.781	-
Tạm ứng	996.752.900	-	325.839.288	-
Phải thu của BP-E Casino	59.882.455	-	59.882.455	-
Công ty CP Văn hóa Đất Việt (1)	2.281.163.000	-	2.281.163.000	-
Dự án Trung tâm VH Huyền Trân (2)	750.000.000	-	750.000.000	-
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	121.498.093	-	152.629.506	-
Chi phí học tập tại nước ngoài	-	-	480.653.513	-
Thuế TNDN các năm trước	-	-	452.626.000	-
Tiền thuê TTĐB nộp hộ VIP Club	220.639.373	-	220.639.373	-
Chi phí hoạt động tại khu di tích lịch sử Chín hầm	44.112.172	-	44.112.172	-
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	445.563.818	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	267.875.229	-	-	-
Phải thu khác	273.430.168	-	-	-
	<b>14.461.752.683</b>	<b>-</b>	<b>13.787.288.980</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 2 Nguyễn Công Trứ - Tp. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Phải thu khác từ bên liên quan	<u>445.563.818</u>
--------------------------------------	--------------------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30

(1) Đây là các khoản ứng trước cho các nhà thầu thi công một số hạng mục nhỏ của công trình Khu văn hóa Huyền Trân (Ghi nhận trên tài khoản 331-Trả trước cho người bán). Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân (nay là Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục được theo dõi là khoản phải thu Công ty Văn hóa Đất Việt.

(2) Giá trị 2 pho tượng đồng thuộc cụm công trình Trung tâm Văn hóa Huyền Trân được đầu tư bằng nguồn tài trợ (Xem chi tiết tại thuyết minh số 15) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành chờ bàn giao cho đơn vị tiếp nhận. Khoản phải thu này đang chờ quyết toán để xử lý.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị có thể thu hồi		Giá trị có thể thu hồi	
	Giá gốc	VND	Giá gốc	VND
- Công ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Thuận An	717.110.038	-	717.110.038	-
	<u>717.110.038</u>	<u>-</u>	<u>717.110.038</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	432.545.275	-	448.003.815	-
Hàng hoá	497.752.100	-	494.436.431	-
	<u>930.297.375</u>	<u>-</u>	<u>942.440.246</u>	<u>-</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
- Công trình 91 Hàn Thuyên		1.960.819.654		1.513.566.017
- Công trình TTDVDL Hùng Vương		-		333.761.391
- Công trình Khu văn hóa Huyền Trân (*)		16.173.875.673		15.695.696.127
- Công trình Đèn thờ Trần Nhân Tông (*)		8.135.873.774		8.135.873.774
- Công trình Thiền viện Trần Nhân Tông (*)		2.667.654.680		2.667.654.680
- Dự án mở rộng khu du lịch Mỹ An		144.887.682		144.887.682
- Văn phòng 1A Tự Đức		2.113.636		-
	<u>29.085.225.099</u>	<u>-</u>	<u>28.491.439.671</u>	<u>-</u>

(\*) Các hạng mục công trình thuộc khu Văn hóa Huyền Trân được Công ty đầu tư theo chủ trương xã hội hóa của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, theo Công văn số 4732/UBND-TH ngày 25/08/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đây là công trình đặc thù về văn hóa tâm linh và nhạy cảm về an ninh tôn giáo nên UBND tỉnh đã chủ trương không tiếp tục xã hội hóa các công trình này, yêu cầu Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang thanh quyết toán các hạng mục công trình đang đầu tư để chuyển nhượng cho Tỉnh theo nguyên tắc giá thị trường.

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	65.886.144.433	15.114.569.140	13.418.184.524	719.538.176	95.138.436.273
- Mua trong năm	48.000.000	-	135.269.634	-	183.269.634
- Thanh lý, nhượng bán	(693.666.155)	(529.313.860)	-	(18.260.168)	(1.241.240.183)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>65.240.478.278</b>	<b>14.585.255.280</b>	<b>13.553.454.158</b>	<b>701.278.008</b>	<b>94.080.465.724</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	30.146.944.147	13.551.185.233	3.026.166.990	719.538.176	47.443.834.546
- Khấu hao trong năm	3.038.436.283	1.130.893.846	1.108.669.614	-	5.277.999.743
- Thanh lý, nhượng bán	(693.666.155)	(529.313.860)	-	(18.260.168)	(1.241.240.183)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.491.714.275</b>	<b>14.152.765.219</b>	<b>4.134.836.604</b>	<b>701.278.008</b>	<b>51.480.594.106</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	35.739.200.286	1.563.383.907	10.392.017.534	-	47.694.601.727
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>32.748.764.003</b>	<b>432.490.061</b>	<b>9.418.617.554</b>	<b>-</b>	<b>42.599.871.618</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.032.872.037 đồng.

## 11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Công
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>999.000.000</b>	<b>309.338.000</b>	<b>1.308.338.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	270.588.001	270.588.001
- Khấu hao trong năm	-	5.000.004	5.000.004
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>275.588.005</b>	<b>275.588.005</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	999.000.000	38.749.999	1.037.749.999
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>999.000.000</b>	<b>33.749.995</b>	<b>1.032.749.995</b>

## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.033.803.464	4.382.337.084
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.339.640.102	419.036.759
Lợi thế kinh doanh (1)	6.398.467.343	14.060.599.294
Chi phí phân bổ TS không đủ điều kiện TSCĐ	2.133.993	1.469.966.700
Chi phí thanh lý HD xây dựng khách sạn với Bộ Ngoại Giao (2)	3.240.842.041	3.370.909.285
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.189.901.610	2.095.193.017
	<b>18.204.788.553</b>	<b>25.798.042.139</b>

(1) Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp được phân bổ dần vào chi phí trong 10 năm.

(2) Khoản phải trả cho Bộ Ngoại Giao để thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng khách sạn Hương Giang. Giá trị này được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng hợp tác trước khi thanh lý.

## 13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư				
Công ty TNHH giặt là Bình Minh	183.215.169	183.215.169	164.925.475	164.925.475
DNTN Thành Mai	164.177.380	164.177.380	122.930.850	122.930.850
Phải trả các đối tượng khác	2.119.262.707	2.119.262.707	2.053.341.711	2.053.341.711
	<b>2.466.655.256</b>	<b>2.466.655.256</b>	<b>2.341.198.036</b>	<b>2.341.198.036</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				
			44.249.998	44.249.998

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	28.828.792	4.129.385.930	3.719.209.535	-	439.005.187
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	8.433.572	143.498.818	145.023.991	-	6.908.399
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	521.693.479	647.726.753	521.693.479	-	647.726.753
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.891.274	80.563.595	81.159.091	-	3.295.778
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4.980.971.438	4.980.971.438	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	64.606.462	64.606.462	-	-
	<b>-</b>	<b>562.847.117</b>	<b>10.053.752.996</b>	<b>9.519.663.996</b>	<b>-</b>	<b>1.096.936.117</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	30.413.605	30.413.605
- Nhận hỗ trợ kinh phí đền thờ Huyền Trần (*)	1.744.893.361	1.740.261.361
- Nhận hỗ trợ kinh phí tôn tạo khu di tích lịch sử Chín Hầm	44.112.172	682.620.000
- Phải trả Cục Sở hữu Trí tuệ	105.000.000	105.000.000
- Lãi tiền gửi phải trả các cổ đông mua cổ phần lần đầu	885.855.550	885.855.550
- Thu hồi vốn góp tại Công ty CP Du lịch Thiêng Phúc	518.052.851	518.052.851
- Tiền lương chi trả hộ cho đơn vị sáp nhập trước năm 1994	230.872.316	230.872.316
- Bộ ngoại giao (Thanh toán hợp đồng hợp tác đầu tư khách sạn)	1.085.850.000	3.585.850.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	88.835.071	38.026.391
	<b>4.733.884.926</b>	<b>7.816.952.074</b>

(\*) Khoản nhận hỗ trợ từ các tổ chức cá nhân liên quan đến việc xây dựng công trình Đền thờ Huyền Trần.

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>47.223.517.700</b>	<b>8.829.307.951</b>	<b>256.052.825.651</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	(658.812.856)	(658.812.856)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.361.986.806)	(5.361.986.806)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>47.223.517.700</b>	<b>2.808.508.289</b>	<b>250.032.025.989</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>47.223.517.700</b>	<b>2.808.508.289</b>	<b>250.032.025.989</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	(14.212.923.481)	(14.212.923.481)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>47.223.517.700</b>	<b>(11.404.415.192)</b>	<b>235.819.102.508</b>

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp của Nhà nước (SCIC)  
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Minh  
Các cổ đông khác

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
125.722.000.000	62,86%	125.722.000.000	62,86%	
15.240.000.000	7,62%	15.240.000.000	7,62%	
59.038.000.000	29,52%	59.038.000.000	29,52%	
<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.586,74	4.466,65
- Đồng Euro (EUR)	496,83	507,75

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.260.864.137	59.683.287.076
	<b>63.260.864.137</b>	<b>59.683.287.076</b>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	60.792.912.848	51.498.241.950
	<b>60.792.912.848</b>	<b>51.498.241.950</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.117.096.330	1.253.839.083
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.290.994.706
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	8.735.710.362	9.853.702.014
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.999.827	12.574.720
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	16.876.388
	<b>9.883.806.519</b>	<b>12.427.986.911</b>

(\*) Trong đó, điều chỉnh lợi nhuận năm 2014 được chia từ liên doanh Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành đã ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo thông báo chính thức, giảm vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2015 số tiền 224.015.501 đồng.

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.320.000.000	136.616.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.446.049	5.528.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.580.883	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	-	6.756.000.000
	<b>2.328.026.932</b>	<b>6.898.144.381</b>



**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.186.685.188	3.512.063.846
Chi phí nhân công	6.378.731.801	5.969.449.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.998.492	205.739.655
Thuế, phí, lệ phí (*)	2.668.327.869	3.649.400
Chi phí dự phòng	-	717.110.038
Phân bổ lợi thế kinh doanh	7.099.953.554	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.770.492.075	608.075.445
Chi phí khác bằng tiền	2.063.679.157	1.535.597.188
	<b>22.316.868.136</b>	<b>12.551.684.842</b>

(\*) Tiền thuê đất thực tế năm 2015 cao hơn tiền thuê đất đã giao kế hoạch cho các đơn vị phụ thuộc (theo tiền thuê đất 2014) được hạch toán tập trung vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại văn phòng công ty số tiền 2.665.177.869 đồng.

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	96.151.998	1.100.000.000
Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.379.636.523	-
Thu nhập khác	12.652.258	100.870.733
	<b>1.488.440.779</b>	<b>1.200.870.733</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	768.414.577
Xử lý khoản chi phí xây dựng khu 9 hầm và nước khoáng Mỹ An không được thanh toán bằng ngân sách	-	450.600.167
Xử lý các tồn thẩt về đầu tư do bị thu hồi đất	-	1.580.282.512
Xử lý chi phí đầu tư Trung tâm DL Hùng Vương	333.761.391	-
Xử lý chi phí học tập nước ngoài không thu hồi được	380.653.513	-
Xử lý chi phí thuế trước giai đoạn cổ phần hóa không thu hồi được	352.626.000	-
Xử lý quỹ khen thưởng phúc lợi chi âm	1.901.087.880	-
Khấu hao thiết bị dùng hoạt động	279.767.640	-
Chi phí khác	160.330.576	223.589.147
	<b>3.408.227.000</b>	<b>3.022.886.403</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.212.923.481)	(658.812.856)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.247.896.424	2.030.882.679
- Chi phí không hợp lệ	3.247.896.424	2.030.882.679
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.735.710.362)	(9.853.702.014)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(8.735.710.362)	(9.853.702.014)
Thu nhập tính thuế TNDN	(19.700.737.419)	(8.481.632.191)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuế suất 22%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phục vụ phí	647.726.753	633.562.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	521.693.479	508.784.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(521.693.479)	(620.653.049)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>647.726.753</b>	<b>521.693.479</b>



## 26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.909.908.749	23.158.949.482
Chi phí nhân công	17.432.923.705	15.877.076.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.003.232.107	5.276.331.009
Phân bổ lợi thế kinh doanh	7.099.953.554	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.289.856.566	14.885.794.054
Chi phí khác bằng tiền	8.373.906.303	7.617.949.701
	<b>83.109.780.984</b>	<b>66.816.100.493</b>

## 27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.695.296.386	-	24.014.618.271	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.658.265.083	(717.110.038)	17.266.212.381	(717.110.038)
Các khoản cho vay	-	-	2.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	(3.000.000.000)	14.600.000.000	(3.000.000.000)
	<b>50.353.561.469</b>	<b>(3.717.110.038)</b>	<b>57.880.830.652</b>	<b>(3.717.110.038)</b>

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	VND	Giá trị VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác		7.200.540.182		12.643.291.988
		<b>7.200.540.182</b>		<b>12.643.291.988</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

## Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.695.296.386	-	-	28.695.296.386
Phải thu khách hang, phải thu khác	17.941.155.045	-	-	17.941.155.045
	<b>46.636.451.431</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.636.451.431</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.014.618.271	-	-	24.014.618.271
Phải thu khách hang, phải thu khác	16.549.102.343	-	-	16.549.102.343
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	11.600.000.000	11.600.000.000
	<b>42.563.720.614</b>	<b>-</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>54.163.720.614</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.200.540.182	-	-	7.200.540.182
	<b>7.200.540.182</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.200.540.182</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.158.150.110	2.485.141.878	-	12.643.291.988
	<b>10.158.150.110</b>	<b>2.485.141.878</b>	<b>-</b>	<b>12.643.291.988</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng khách sạn, đồng thời hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ Dư VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

#### Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	Công ty con	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Công ty liên doanh	-	1.398.210.372
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	2.000.000.000	-
<b>Lợi nhuận được phân chia</b>			
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	Công ty liên doanh	3.400.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH Khách Sạn Kinh Thành	Công ty liên doanh	5.335.710.362	5.815.671.892
<b>Doanh thu</b>			
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	1.003.268.709	1.192.036.486
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	34.500.000	214.424.545
<b>Thu lãi chậm trả</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	Công ty con	-	1.290.994.706
<b>Vay vốn không tính lãi</b>			
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	445.563.818	

#### Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	562.890.050	455.120.830
<b>Phải thu về lợi nhuận được chia</b>			
Công ty TNHH Sài Gòn- Morin Huế	Công ty liên doanh	3.400.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên doanh	5.559.725.863	5.815.671.892
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	445.563.818	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	-	44.249.998

#### Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.068.001.000	1.157.017.000

### 31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

#### Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
-------	---------------	---------

#### BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

121	1. Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	13.461.449.692
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	325.839.288
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	28.491.439.671

#### Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
-------	---------------	---------	----------

#### BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	13.787.288.980	325.839.288
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(325.839.288)
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	28.491.439.671	-

Ngô Đức Chính  
Người lập

Ngô Đức Chính  
Phụ trách kế toán

Trần Thắng  
Tổng Giám đốc  
Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 03 năm 2016

